

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG SONADEZI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

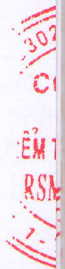


CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ,
Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 33



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ,
Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Lương Minh Hiền	Chủ tịch
Ông Bạch Văn Hiền	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Danh	Thành viên
Bà Trần Võ Hoài Hương	Thành viên
Ông Trần Ngọc Hải Sơn	Thành viên
Bà Quách Ngọc Bửu	Thành viên
Ông Võ Thành Tâm	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Ngô Thị Châu Loan	Trưởng ban
Ông Nguyễn Bích Chương	Thành viên
Bà Nguyễn Bách Thảo	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Bạch Văn Hiền	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Danh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Quách Ngọc Bửu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Thành Tín	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 28/02/2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ,
Phường Bửu Long, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

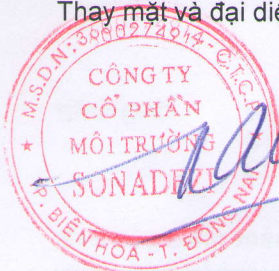
KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, *th*



Bạch Văn Hiến
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 28 tháng 02 năm 2018

th

Số: 18.132/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2018 từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

Lục Thị Vân

Lục Thị Vân**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1

Nguyễn Thị Hải Yến

Nguyễn Thị Hải Yến**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2843-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2018**

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017 (Xem TM số 10)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		266.968.353.210	272.454.259.566
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	48.276.044.780	73.062.912.258
1. Tiền	111		16.239.915.419	12.242.211.966
2. Các khoản tương đương tiền	112		32.036.129.361	60.820.700.292
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	9.300.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		9.300.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		202.648.851.494	190.139.827.471
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	198.520.987.279	185.934.420.363
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.878.197.590	1.668.596.415
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		2.421.577.865	2.693.463.433
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(171.911.240)	(156.652.740)
IV. Hàng tồn kho	140	4.4	6.072.849.780	7.506.436.027
1. Hàng tồn kho	141		6.072.849.780	7.506.436.027
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		670.607.156	1.745.083.810
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		670.607.156	212.616.000
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	1.532.467.810
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		207.592.455.786	224.871.184.001
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		285.324.750	102.372.050
1. Phải thu dài hạn khác	216		285.324.750	102.372.050
II. Tài sản cố định	220		101.760.165.440	110.774.962.419
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	101.760.165.440	110.774.962.419
Nguyên giá	222		252.220.605.545	241.544.211.141
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(150.460.440.105)	(130.769.248.722)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		91.782.267.093	92.284.512.613
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.5	91.782.267.093	92.284.512.613
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	7.500.000.000	7.500.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.500.000.000	7.500.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.264.698.503	14.209.336.919
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	5.972.520.662	14.084.967.242
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		292.177.841	124.369.677
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		474.560.808.996	497.325.443.567

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZIĐịa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ,
Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 01- DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017 (Xem TM số 10)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		133.303.382.036	149.927.050.585
I. Nợ ngắn hạn	310		133.303.382.036	149.927.050.585
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.8	16.673.587.142	30.203.017.749
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		278.539.026	225.645.787
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.9	5.682.326.459	2.142.900.957
4. Phải trả người lao động	314	4.10	25.880.490.372	41.688.090.372
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.11	4.200.102.909	4.144.306.909
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.12	61.104.122.031	54.857.124.024
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		31.992.980	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.13	19.452.221.117	16.665.964.787
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		341.257.426.960	347.398.392.982
I. Vốn chủ sở hữu	410		341.257.426.960	347.398.392.982
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4.14.1	300.000.000.000	300.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	4.14.2	300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.210.024.535	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		33.880.568.963	44.231.559.520
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		7.127.209.476	3.421.293.614
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		26.753.359.487	40.810.265.906
4. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		3.166.833.462	3.166.833.462
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		474.560.808.996	497.325.443.567



Phê Duyệt

Bạch Văn Hiền
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 28 tháng 02 năm 2018

Người lập

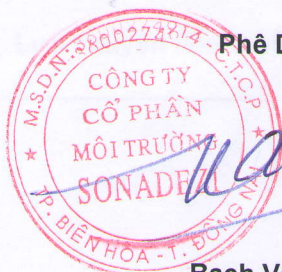
Trần Võ Hoài Hương
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ ngày	Từ ngày
			01/01/2017 đến ngày 31/12/2017	01/11/2015 đến ngày 31/12/2016 (Xem TM số 10)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	338.579.816.073	385.263.732.201
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		338.579.816.073	385.263.732.201
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	281.038.992.731	308.003.257.168
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		57.540.823.342	77.260.475.033
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	3.762.463.163	3.429.938.396
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	28.615.433.033	32.715.948.158
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		32.687.853.472	47.974.465.271
8. Thu nhập khác	31		1.079.546.726	1.343.113.599
9. Chi phí khác	32		492.575.877	278.699.106
10. Lợi nhuận khác	40		586.970.849	1.064.414.493
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		33.274.824.321	49.038.879.764
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.6	6.689.272.998	8.352.983.535
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(167.808.164)	(124.369.677)
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		26.753.359.487	40.810.265.906
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.14.4	803	1.224
16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.14.4	803	1.224



Phê Duyệt

Bạch Văn Hiền
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 28 tháng 02 năm 2018

Người lập

Trần Võ Hoài Hương
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/11/2015 đến ngày 31/12/2016 (Xem TM số 10)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		33.274.824.321	49.038.879.764
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.5	21.438.191.383	21.730.653.500
Các khoản dự phòng	03		47.251.480	156.652.740
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.949.379.461)	(2.490.074.083)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		50.810.887.723	68.436.111.921
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.812.163.080)	(26.502.105.250)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.424.245.622	2.482.521.156
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(205.967.273)	18.330.226.058
Tăng giảm chi phí trả trước	12		7.654.455.424	4.789.152.384
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.9	(4.247.939.716)	(6.307.900.021)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		50.350.000	4.417.661.453
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.095.872.567)	(9.299.843.781)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		44.577.996.133	56.345.823.920
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(37.664.622.441)	(44.858.566.323)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		199.900.000	144.500.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(9.300.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.399.858.830	2.432.087.961
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(45.364.863.611)	(42.281.978.362)

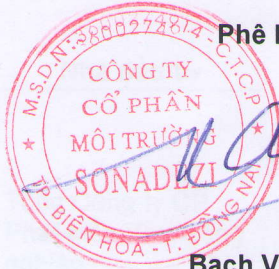
(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/11/2015 đến ngày 31/12/2016 (Xem TM số 10)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36	4.14.5	(24.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(24.000.000.000)	-
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG KỲ	50		(24.786.867.478)	14.063.845.558
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		73.062.912.258	58.999.066.700
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4.1	48.276.044.780	73.062.912.258



Phê Duyệt

Bạch Văn Hiền
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 28 tháng 02 năm 2018

Người lập

Trần Võ Hoài Hương
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn MTV Dịch vụ Môi Trường Đô Thị Đồng Nai, một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 16 tháng 08 năm 2015, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600274914 ngày 07 tháng 08 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 18 tháng 04 năm 2017.

Công ty chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 11 năm 2015 theo văn bản số 8835/UBND-KT ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai.

Ngày 18 tháng 01 năm 2016, Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng theo văn bản số 304/UBCK-GSĐC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Ngày 22 tháng 11 năm 2016, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 760/QĐ-SGDHN ngày 22 tháng 11 năm 2016 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 300 tỷ VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty CP Phát triển Khu Công nghiệp	Việt Nam	192.128.460.000	64,04	192.128.460.000	64,04
Công ty CP Đầu tư Xây dựng BMT	Việt Nam	39.000.000.000	13,00	39.000.000.000	13,00
Khác	Việt Nam	68.871.540.000	22,96	68.871.540.000	22,96
Cộng		300.000.000.000	100,00	300.000.000.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 726 (31/12/2016: 753).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ đô thị môi trường.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Quét dọn đường phố, vỉa hè. Dịch vụ lau dọn vệ sinh;
- Thu gom rác thải sinh hoạt. Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn (rác thải sinh hoạt, công nghiệp, y tế). Xử lý nước thải;
- Kinh doanh và tái chế phế liệu, sản xuất phân hữu cơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Duy tu, sửa chữa các hệ thống công trình thoát nước, vỉa hè, cầu đường; Quản lý, chăm sóc công viên công cộng, hoa viên, cây xanh đường phố. Mua bán, trồng và cắt tỉa tạo hình cây xanh, hoa kiểng các loại. Thi công xây dựng, duy tu bảo dưỡng công trình công viên cây xanh.
- Quản lý, vận hành và duy tu sửa chữa hệ thống chiếu sáng công cộng, hệ thống đèn tín hiệu giao thông;
- Dịch vụ mai táng, hỏa táng, xây mộ. Đầu tư xây dựng, quản lý và khai thác nghĩa trang.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng năm tài chính đầu tiên sau cổ phần hóa được bắt đầu kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2015 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**3.1. Thay đổi chính sách kế toán**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi***

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thụ hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng; chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2017</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 49 năm
▪ Máy móc thiết bị	4 – 19 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10 năm

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa, giá vốn công cụ, dụng cụ. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 02 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng 03 năm.

3.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.10. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.11. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

3.12. Nguồn vốn chủ sở hữu***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13. Doanh thu, thu nhập khác***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.14. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.15. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.16. Thuế***Thuế thu nhập doanh nghiệp******Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành như sau:

- Thuế suất 10% đối với hoạt động được hưởng ưu đãi;
- Thuế suất 20% đối với hoạt động không ưu đãi.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Theo Giấy phép đầu tư số 47121000435 do UBND Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 11 tháng 11 năm 2014, Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 10% đối với hoạt động thu gom và xử lý chất thải, nước thải tại Xã Vĩnh Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai cho dự án khu xử lý chất thải sinh hoạt và công nghiệp.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Dịch vụ hệ thống chiếu sáng, công viên, quản lý chợ đêm, mai táng, hỏa táng: không chịu thuế;
- Hút hầm vệ sinh, rác thải, rác thải y tế: 0%;
- Các dịch vụ khác: 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.19. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.20. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền mặt	1.358.102.843	1.804.999.893
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.881.812.576	10.437.212.073
Các khoản tương đương tiền	32.036.129.361	60.820.700.292
Cộng	48.276.044.780	73.062.912.258

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng TMCP Công Thương – chi nhánh Đồng Nai với kỳ hạn 1 tháng và lãi suất 4,5%/năm.

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại TMCP Công Thương – chi nhánh Đồng Nai với lãi suất 6,5%/năm.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi (mã chứng khoán SDV), số lượng 500.000 cổ phiếu. Tại ngày báo cáo, giá trị hợp lý của khoản đầu tư này là 7.600.000.000 VND.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phòng Quản Lý Đô Thị Biên Hòa	159.318.145.814	166.569.671.472
Các khách hàng khác	38.897.846.945	18.847.478.871
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan – Xem thêm mục 7	304.994.520	517.270.020
Cộng	<u>198.520.987.279</u>	<u>185.934.420.363</u>

4.4. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.062.483.360	-	1.937.098.215	-
Công cụ, dụng cụ	1.054.352.073	-	1.125.089.586	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:	2.381.377.521	-	3.868.310.676	-
<i>Các công trình giao thông</i>	2.168.634.160	-	3.601.586.776	-
<i>Công trình trồng cây xanh</i>	212.743.361	-	134.065.900	-
<i>Các công trình chiếu sáng</i>	-	-	132.658.000	-
Hàng hóa	574.636.826	-	575.937.550	-
Cộng	<u>6.072.849.780</u>	<u>-</u>	<u>7.506.436.027</u>	<u>-</u>

4.5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công trình khu xử lý chất thải Huyện Vĩnh Cửu	91.614.679.378	92.112.660.378
Công trình bãi xử rác Trảng Dài	138.868.533	144.144.508
Công trình khác	28.719.182	27.707.727
Cộng	<u>91.782.267.093</u>	<u>92.284.512.613</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ,
Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2017	114.199.338.815	36.922.493.435	83.741.390.526	287.605.900	6.393.382.465	241.544.211.141
Mua trong năm	-	-	7.367.487.318	-	-	7.367.487.318
Đầu tư XDCB hoàn thành	4.030.204.087	887.002.999	-	-	138.700.000	5.055.907.086
Tặng khác	-	-	242.557.308	-	-	242.557.308
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.989.557.308)	-	-	(1.989.557.308)
Tại ngày 31/12/2017	118.229.542.902	37.809.496.434	89.361.877.844	287.605.900	6.532.082.465	252.220.605.545
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2017	76.574.972.887	16.935.770.584	36.440.917.850	234.693.396	582.894.005	130.769.248.722
Khấu hao trong năm	6.747.546.397	2.885.968.575	10.864.608.292	12.827.268	927.240.851	21.438.191.383
Tặng khác	-	-	242.557.308	-	-	242.557.308
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.989.557.308)	-	-	(1.989.557.308)
Tại ngày 31/12/2017	83.322.519.284	19.821.739.159	45.558.526.142	247.520.664	1.510.134.856	150.460.440.105
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2017	37.624.365.928	19.986.722.851	47.300.472.676	52.912.504	5.810.488.460	110.774.962.419
Tại ngày 31/12/2017	34.907.023.618	17.987.757.275	43.803.351.702	40.085.236	5.021.947.609	101.760.165.440

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 67.546.633.794 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	869.832.978	653.377.271
Lợi thế kinh doanh	5.102.687.684	11.225.912.888
Chi phí sửa chữa lớn xe vận chuyển rác	-	2.122.164.750
Khác	-	83.512.333
Cộng	5.972.520.662	14.084.967.242

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được Công ty ghi nhận và phân bổ trong thời gian 03 năm theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính.

4.8. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Khoa Học Công Nghệ Môi Trường Quốc Việt	3.917.713.800	3.917.713.800	-	-
Trạm Xăng Dầu Bến Xe Biên Hòa	1.631.705.820	1.631.705.820	1.248.523.975	1.248.523.975
DNTN Tuấn Ngọc Mỹ	1.266.792.470	1.266.792.470	783.289.570	783.289.570
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Toàn An	1.168.730.000	1.168.730.000	662.074.000	662.074.000
Công ty TNHH ô tô Chuyên dùng Hiệp Hòa	-	-	14.232.000.000	14.232.000.000
Phải trả cho các đối tượng khác	8.685.400.052	8.685.400.052	13.277.130.204	13.277.130.204
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 7	3.245.000	3.245.000	-	-
Cộng	16.673.587.142	16.673.587.142	30.203.017.749	30.203.017.749

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ,
Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Thuế và các khoản (phải thu)/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2017 VND		Trong năm VND		Tại ngày 31/12/2017 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/Khấu trừ	Phải nộp	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	1.107.039.502	32.060.208.282	30.076.276.603	3.090.971.181	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.532.467.810	964.980.250	6.689.272.998	4.247.939.716	1.873.845.722	
Thuế thu nhập cá nhân	-	70.881.205	3.037.146.539	2.390.518.188	717.509.556	
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	693.771.874	693.771.874	-	
Các loại thuế khác	-	-	10.000.000	10.000.000	-	
Cộng	1.532.467.810	2.142.900.957	42.490.399.693	37.418.506.381	5.682.326.459	

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 12 năm 2017 và thưởng còn phải trả cho người lao động.

4.11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Trích trước chi phí xây dựng công trình xử lý chất thải - phần nắp hố rác SH5	3.213.593.636	3.213.593.636
Trích trước chi phí xây dựng công trình bể xử lý nước thải	930.713.273	930.713.273
Lắp đặt rào chắn tại vỉa hè công viên Chiến Thắng Long Bình	55.796.000	-
Cộng	4.200.102.909	4.144.306.909

4.12. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Chi phí xử lý rác sinh hoạt hộ dân phải trả cho Phòng Tài chính kế hoạch Biên Hòa	7.547.189.737	5.599.460.844
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	364.484.198	137.899.894
Kinh phí công đoàn	296.785.780	299.824.120
Phải trả Công ty Cổ phần Môi trường Đồng Xanh	3.298.605.030	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.813.640.023	1.036.521.903
Các khoản phải bàn giao ngân sách nhà nước	47.783.417.263	47.783.417.263
<i>Chi phí giải phóng mặt bằng Huyện Vĩnh Cửu phải trả Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai</i>	47.382.461.015	47.382.461.015
<i>Chi phí quy phí quy hoạch cho diện tích 21,7ha dự án khu xử lý chất thải huyện Vĩnh Cửu</i>	400.956.248	400.956.248
Cộng	61.104.122.031	54.857.124.024

4.13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Quỹ khen thưởng	9.134.281.678	8.045.193.497
Quỹ phúc lợi	9.414.695.720	8.620.771.290
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty	502.241.266	-
Quỹ công tác xã hội cộng đồng	401.002.453	-
Cộng	19.452.221.117	16.665.964.787

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ,
Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14. Vốn chủ sở hữu****4.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/11/2015	300.000.000.000	2.502.683.000	4.917.088.760	3.445.194.816	310.864.966.576
Lãi trong năm trước	-	-	-	40.810.265.906	40.810.265.906
Tặng khác	-	3.216.414.462	-	-	3.216.414.462
Giảm khác	-	(2.552.264.000)	(4.917.088.760)	(23.901.202)	(7.493.253.962)
Tại ngày 01/01/2017	300.000.000.000	3.166.833.462	-	44.231.559.520	347.398.392.982
Lãi trong năm nay	-	-	-	26.753.359.487	26.753.359.487
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	4.210.024.535	(4.210.024.535)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(5.473.031.895)	(5.473.031.895)
Chia cổ tức	-	-	-	(24.000.000.000)	(24.000.000.000)
Giảm khác (*)	-	-	-	(3.421.293.614)	(3.421.293.614)
Tại ngày 31/12/2017	300.000.000.000	3.166.833.462	4.210.024.535	33.880.568.963	341.257.426.960

(*) Khoản nợ về quỹ hỗ trợ sắp xếp việc làm phần lợi nhuận sau thuế cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015 do điều chỉnh theo Thông báo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà Nước số 302/TB-KTNN KV XIII ngày 22/09/2017.

Số dư nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản sẽ được xử lý theo quy định hiện hành về xử lý tài chính khi cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước sau khi có biên bản làm việc cuối cùng về số liệu cổ phần hóa giữa Sở tài chính và Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Vốn góp của Tổng công ty CP Phát triển Khu công nghiệp	192.128.460.000	192.128.460.000
Vốn góp của Công ty CP Đầu tư xây dựng BMT	39.000.000.000	39.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	68.871.540.000	68.871.540.000
Cộng	300.000.000.000	300.000.000.000

4.14.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	30.000.000	30.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.14.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	26.753.359.487	40.810.265.906
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(2.675.335.949)	(4.081.026.591)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	24.078.023.538	36.729.239.315
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	803	1.224

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trừ ra khi tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế năm 2017 theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông ngày 30 tháng 03 năm 2017.

4.14.5. Cổ tức

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Cổ tức đã trả trên tổng số của cổ phiếu phổ thông	24.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng	1.824.391.452	1.511.329.065
Doanh thu cung cấp dịch vụ	336.225.083.940	382.267.985.592
Doanh thu cung cấp dịch vụ với các bên có liên quan – Xem thêm mục 7	530.340.681	1.484.417.544
Cộng	<u>338.579.816.073</u>	<u>385.263.732.201</u>

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	822.442.131	985.966.893
Giá vốn của thành phẩm đã bán	280.216.550.600	307.017.290.275
Cộng	<u>281.038.992.731</u>	<u>308.003.257.168</u>

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.012.463.163	2.679.938.396
Cổ tức, lợi nhuận được chia	750.000.000	750.000.000
Cộng	<u>3.762.463.163</u>	<u>3.429.938.396</u>

5.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.501.151.865	12.039.120.222
Chi phí vật liệu quản lý	731.745.048	788.217.333
Chi phí đồ dùng văn phòng	927.823.783	1.703.685.675
Chi phí lợi thế thương mại phân bổ	6.123.225.204	7.143.762.738
Chi phí khấu hao tài sản cố định	830.301.029	1.170.121.453
Thuế, phí và lệ phí	717.665.874	1.412.742.309
Chi phí dự phòng	15.258.500	156.652.740
Chi phí dịch vụ mua ngoài	893.215.987	1.071.943.101
Chi phí bằng tiền khác	7.875.045.743	7.229.702.587
Cộng	<u>28.615.433.033</u>	<u>32.715.948.158</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	140.449.900.921	126.147.120.304
Chi phí nhân công	107.163.554.229	152.143.133.416
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.438.191.383	21.730.653.500
Chi phí dự phòng	15.258.500	156.652.740
Chi phí lợi thế thương mại phân bổ	6.123.225.204	7.143.762.738
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.250.019.114	8.386.657.671
Chi phí khác bằng tiền	18.727.343.258	22.412.722.427
Cộng	<u>308.167.492.609</u>	<u>338.120.702.796</u>

5.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	33.274.824.321	49.038.879.764
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	2.661.786.411	2.367.228.027
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(750.000.000)	(750.000.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	<u>35.186.610.732</u>	<u>50.656.107.791</u>
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh cho mức thuế suất 22%	-	1.004.475.009
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh cho mức thuế suất 20%	6.341.223.849	5.478.954.593
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh cho mức thuế suất 10%	348.049.149	1.869.553.933
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	<u>6.689.272.998</u>	<u>8.352.983.535</u>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như: chi phí không hóa đơn chứng từ, các khoản trích trước chưa có hóa đơn và cổ tức được nhận.

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Xúc vận chuyển rác;
- Thu gom rác phố;
- Xử lý rác;
- Công viên công cộng, dây phân cách;
- Hoạt động khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ,
Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Các thông tin khác**

Đơn vị tính: Ngàn đồng	Xúc vận chuyển rác		Thu gom rác phố		Xử lý rác		Công viên công cộng, dãy phân cách		Hoạt động khác		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
Tài sản của bộ phận	42.342.462	44.998.494	-	-	13.075.119	17.395.530	11.767	11.767	46.330.818	48.369.171	101.760.165	110.774.962
Tài sản không phân bổ											372.800.644	386.550.481
Tổng tài sản											474.560.809	497.325.443

Nợ phải trả không phân bổ

Đơn vị tính: Ngàn đồng	Xúc vận chuyển rác		Thu gom rác phố		Xử lý rác		Công viên công cộng, dãy phân cách		Hoạt động khác		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
Nợ phải trả không phân bổ											133.303.382	149.927.051
Tổng nợ phải trả											133.303.382	149.927.051

Chi phí mua sắm tài sản trong kỳ
Chi phí khấu hao trong kỳ

Đơn vị tính: Ngàn đồng	Xúc vận chuyển rác		Thu gom rác phố		Xử lý rác		Công viên công cộng, dãy phân cách		Hoạt động khác		Tổng cộng	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí mua sắm tài sản trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	37.664.622	44.858.566
Chi phí khấu hao trong kỳ	10.023.520	8.718.938	-	-	4.374.857	3.338.373	11.767	23.947	7.028.048	7.331.712	21.438.191	21.730.654

Bộ phận theo khu vực địa lý: Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Tỉnh Đồng Nai, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh, vì vậy, Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

1. Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp
Các công ty con, công ty liên doanh, liên kết với Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp
2. ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp
3. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

- Công ty mẹ
Công ty con trong cùng tập đoàn

Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	48.102.600	226.888.600
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	7.678.000	4.576.000
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai	236.852.000	236.852.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	10.898.920	47.858.920
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	638.000	484.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vật liệu Đồng Nai	825.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	-	610.500
Cộng – Xem thêm mục 4.3	304.994.520	517.270.020
	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND

Phải trả - Xem thêm mục 4.8:

Công ty CP Dịch vụ Sonadezi	(3.245.000)	-
-----------------------------	-------------	---

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Bán hàng:		
Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	111.780.000	163.816.840
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	143.518.181	372.070.500
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	92.880.000	115.610.000
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai	-	236.852.000
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai	3.000.000	6.050.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	19.800.000	200.311.204
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	31.920.000	38.082.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	43.080.000	38.439.500
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	7.757.500	300.260.500
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	2.420.000	4.713.500
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	6.105.000	8.211.500
Trường cao đẳng công nghệ và Quản Trị Sonadezi	68.080.000	-
Cộng – Xem thêm mục 5.1	530.340.681	1.484.417.544

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Mua dịch vụ:		
Công ty CP Cấp nước Đồng Nai	271.895.420	765.749.125
Công ty CP Sonadezi Châu Đức	-	317.086.364
Cộng	271.895.420	1.082.835.489

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thù lao và thu nhập	2.155.015.385	2.247.642.462

8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	426.240.000	400.200.000

9. CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công trình xây dựng khu xử lý chất thải tại Xã Vĩnh Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai	35.165.041.492	35.165.041.492

10. SỐ LIỆU SO SÁNH

Ngày 01 tháng 11 năm 2015, Công ty chính thức chuyển đổi từ Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Môi Trường Đồng Nai thành Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi, báo cáo tài chính trước đây được lập cho năm tài chính đầu tiên sau cổ phần hóa từ ngày 01/11/2015 đến ngày 31/12/2016. Những thông tin năm trước trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày tương ứng với số liệu cho giai đoạn từ ngày 01/11/2015 đến ngày 31/12/2016. Do đó, các số liệu này không có tính so sánh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Bảng cân đối kế toán (Trích):

	Tại ngày 01/01/2017		Tại ngày 01/11/2015	
	VND		VND	
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	185.934.420.363	185.934.420.363	155.228.287.825	150.842.013.961
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	1.532.467.810	1.065.227.737	3.579.551.324	3.579.551.324
Chi phí trả trước dài hạn	14.084.967.242	11.455.912.888	18.820.375.626	18.820.375.626
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.142.900.957	1.177.920.707	4.516.048.514	3.551.068.264
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	44.231.559.520	42.100.245.343	3.445.194.816	23.901.202
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước kỳ này	3.421.293.614	-	23.901.202	23.901.202
LNST chưa phân phối kỳ này	40.810.265.906	42.100.245.343	3.421.293.614	-

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Từ ngày 01/11/2015 đến ngày 31/12/2016	
	VND	
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Doanh thu bán hàng	385.263.732.201	389.650.006.065
Giá vốn hàng bán	308.003.257.168	310.548.799.189
Chi phí quản lý doanh nghiệp	32.715.948.158	32.799.460.491
Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.352.983.535	8.820.223.608
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.224	1.260
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.224	1.260

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Trích):

	Từ ngày 01/11/2015 đến ngày 31/12/2016	
	VND	
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Lợi nhuận trước thuế	49.038.879.764	50.796.099.274
Tăng, giảm các khoản phải thu	(26.502.105.250)	(30.888.379.114)
Tăng giảm chi phí trả trước	4.789.152.384	7.418.206.738

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố theo thông báo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà Nước số 302/TB-KTNN KV XIII ngày 22/09/2017.

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

12. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Hiện nay, Công ty đang ghi nhận doanh thu cho dịch vụ công ích xử lý rác khu vực Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai theo đơn giá tạm tính là 290.000 đồng/tấn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng), đơn giá này đang được Công ty trình lên Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai chờ phê duyệt. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty vẫn chưa nhận được văn bản phê duyệt giá chính thức cho loại hình dịch vụ xử lý rác từ Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai.



Phê duyệt

Bạch Văn Hiến
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 28 tháng 02 năm 2018

Người lập

Trần Võ Hoài Hương
Kế toán trưởng